

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
(Áp dụng cho đơn vị sử dụng nước)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị sử dụng nước: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Acecook Việt Nam tại Bình Dương
- Địa chỉ: Khu Phố 1B, Phường An Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Công suất bể chứa: 55 m³/ Tổng số dân được cung cấp nước:.....
- Tên đơn vị cấp nước: Công ty CP – Tổng công ty nước – Môi trường Bình Dương
- Thời gian kiểm tra: ngày 08 tháng 09 năm 2026
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
 - Mẫu 1: Bể nước xường sản xuất Mi
 - Mẫu 2: Vòi nước cấp vào bồn pha SD09, nhà máy Mi

B. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

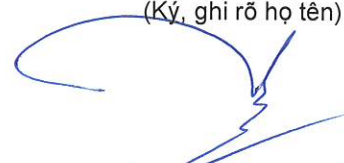
TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
Thông số nhóm A						
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>						
1	Coliform tổng số	<1	<1	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1	Đạt
2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	<1	<1	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1	Đạt
<i>b. Thông số cảm quan và hoá học</i>						
3	Màu sắc	KPH	KPH	TCU	15	Đạt
4	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	Đạt
5	pH	7,3	7,1	-	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt
6	Độ đục	KPH	KPH	NTU	2	Đạt
7	Asen (Arsenic) (As)	KPH	KPH	mg/L	0,01	Đạt
8	Clo dư tự do	0,2	0,2	mg/L	Trong khoảng 0,2- 1,0	Đạt
9	Permanganat	KPH	KPH	mg/L	2	Đạt
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	KPH	KPH	mg/L	1	Đạt
Thông số nhóm B						
1	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>)	<1	<1	CFU/100mL	< 1	Đạt
2	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>)	<1	<1	CFU/100mL	< 1	Đạt

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có)**Đ. ĐỀ NGHỊ (nếu có):**

An Phú, ngày 18 tháng 09 năm 2026

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)



Huỳnh Minh Ngọc Thảo
TRƯỞNG PHÒNG QC

Q326C109596
(MTTN26015355.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

17/09/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẢN XUẤT
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại bể chứa nước sản xuất mì, Khu phố 1B, phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 11h00, 08/09/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 05 / Unit/sample: 1 L x 05
- Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63894 / Seal: plastic seal No. KT3 63894
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26015355 ngày 08/09/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26015355 dated 08/09/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 08/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 08/09/2026 - 17/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM TẠI BÌNH DƯƠNG
Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Nguyễn Hoàng Linh

Phạm Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C109596
(MTTN26015355.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

17/09/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)				
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.2	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.3	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,3	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.4	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.5	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,2	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.6	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.7	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.8	Hàm lượng arsen (As) Arsenic content	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH	0,0005	0,01
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C109596
(MTTN26015355.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

17/09/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.11	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.12	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 08/09/2026. / Characteristics analyzed on site on 08/09/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT⁰): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C109596
(MTTN26015355.02)**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

17/09/2026

Trang/ Page: 1/3

1. Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẢN XUẤT**
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại Xưởng sản xuất mì (vòi nước cấp vào bồn SD09), Khu phố 1B, phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 10h30, 08/09/2026
2. Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 05 / Unit/sample: 1 L x 05
- Niêm phong: niêm nhựa số KT3 63893 / Seal: plastic seal No. KT3 63893
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26015355 ngày 08/09/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26015355 dated 08/09/2026
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 08/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 08/09/2026 - 17/09/2026
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM TẠI BÌNH DƯƠNG**
Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR**TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG**
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB**PHÓ GIÁM ĐỐC**
VICE DIRECTOR
Nguyễn Hoàng Linh
Phan Thành Trung

Q326C109596
(MTTN26015355.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



09/2026

Page/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)				
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.2	Mùi (HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.3	Độ pH (HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.4	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.5	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) (HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,2	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.6	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.7	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.8	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH	0,0005	0,01
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C109596
(MTTN26015355.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

17/09/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.11	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.12	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 08/09/2026. / Characteristics analyzed on site on 08/09/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT⁰): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

L